

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
KỸ THUẬT TP.HCM**

Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 028.3622 1025 Fax: 028.3636 7100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 652/2024/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2024

*V/v: giải trình tăng/giảm kết quả hoạt động
kinh doanh hợp nhất cho kỳ báo cáo bán niên
năm 2024*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) giải trình chênh lệch lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Lợi nhuận sau thuế kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét đạt 443,5 tỷ đồng, giảm 1,9% so với số liệu đã được công bố trên Báo cáo tài chính trước soát xét.

So với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét đạt 443,5 tỷ đồng, tăng 325,6 tỷ đồng (lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 đạt 117,9 tỷ đồng) chủ yếu là do tăng lợi nhuận ròng từ hoạt động B.O.T Trung Lương – Mỹ Thuận (Công ty Cổ phần BOT Trung Lương – Mỹ Thuận là công ty con của Công ty từ Quý 4/2023) và tăng doanh thu hoạt động tài chính từ các khoản lợi ích tài chính lũy kế thuộc dự án Trạm thu phí Cà Ná - Km 1584 +100, Quốc lộ 1-Ninh Thuận thuộc Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận.

Chi tiết về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 vui lòng xem tại website: www.cii.com.vn.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT



LÊ QUỐC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 92

117
C
MT
CH
S
P/V

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Trương Thị Ngọc Hải	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên độc lập
Ông Lê Toàn	Thành viên độc lập
Ông Lưu Hải Ca	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Minh Thư	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trịnh Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trần Thị Tuất	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc dự án hạ tầng
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc quản lý vốn
Ông Nguyễn Trường Hoàng	Giám đốc phát triển dự án
Bà Trần Yến Vy	Giám đốc hành chính - Quản trị

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quốc Bình - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

23-06
GTY
HH
V QU
HAI
GÒI
P.HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2024



Số: 1972/2024/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 8 năm 2024, từ trang 4 đến trang 92, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lương Giang Thạch

Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2023-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.266.115.206.241	6.910.759.134.552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.223.980.113.187	1.200.711.815.688
1. Tiền	111		988.887.582.645	1.032.846.018.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		235.092.530.542	167.865.796.974
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.13	381.481.948.403	996.184.918.187
1. Chứng khoán kinh doanh	121		390.302.984.015	1.010.346.842.091
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(81.463.984.015)	(23.757.402.091)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		72.642.948.403	9.595.478.187
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.268.819.918.584	4.059.839.397.641
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	750.979.634.695	485.055.573.511
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	484.304.590.665	221.878.941.878
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.698.511.778.884	1.583.396.361.499
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.585.467.774.807	1.931.042.766.181
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(250.443.860.467)	(161.534.245.428)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	2.241.048.324.459	581.771.928.736
1. Hàng tồn kho	141		2.241.048.324.459	589.049.544.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(7.277.615.278)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		150.784.901.608	72.251.074.300
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	35.528.076.133	13.771.108.372
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		112.643.287.419	55.920.799.367
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	2.613.538.056	2.559.166.561

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

		Đơn vị: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	
			30/06/202401/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.398.230.073.97726.273.335.381.846
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.908.884.128.2973.035.483.120.236
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	13.808.085.726967.300.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	1.895.076.042.5712.068.183.120.236
II. Tài sản cố định	220		16.534.655.570.38516.400.231.458.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	374.909.372.60725.381.438.029
- Nguyên giá	222		553.393.520.689114.235.125.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.484.148.082)(88.853.687.571)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.159.746.197.77816.374.850.020.007
- Nguyên giá	228		20.197.859.189.38020.076.590.795.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.038.112.991.602)(3.701.740.775.985)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	732.554.147.420903.617.365.294
- Nguyên giá	231		809.577.856.974965.855.031.925
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(77.023.709.554)(62.237.666.631)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.242.761.569.082546.874.011.189
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	2.242.761.569.082546.874.011.189
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	1.024.027.321.1831.199.580.743.205
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-827.679.462.022
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		897.715.751.183243.589.711.183
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(24.688.430.000)(22.688.430.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		151.000.000.000151.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.955.347.337.6104.187.548.683.886
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	3.705.755.163.0673.136.587.282.781
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	257.403.734.034247.862.830.518
3. Lợi thế thương mại	269	V.15	992.188.440.509803.098.570.587
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		35.664.345.280.21833.184.094.516.398

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.332.338.574.342	24.678.766.295.450
I. Nợ ngắn hạn	310		8.334.880.734.347	8.144.174.339.900
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	514.207.839.124	587.065.804.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	238.939.180.605	349.690.565.769
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	105.846.908.728	72.329.914.053
4. Phải trả người lao động	314		30.064.007.054	42.941.345.983
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	218.548.607.652	176.304.286.119
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		679.581.298	291.660.606
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	2.171.809.176.331	2.036.309.484.352
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	4.682.827.711.858	4.848.246.634.880
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	327.854.591.467	4.975.350.600
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.103.130.230	26.019.293.382
II. Nợ dài hạn	330		17.997.457.839.995	16.534.591.955.550
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		7.503.764.063	18.183.213.314
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	37.994.454.408	2.279.028.892.186
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	14.916.769.216.109	14.037.633.937.872
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.23	2.835.756.527.816	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14	193.260.867.453	199.745.912.178
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342		6.173.010.146	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.332.006.705.876	8.505.328.220.948
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	9.332.006.705.876	8.505.328.220.948
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.187.781.130.000	3.183.648.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.187.781.130.000	3.183.648.130.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		387.336.668.802	387.336.668.802
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.660.084.447	6.660.084.447
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		319.670.145.724	300.071.938.881
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.343.815.388.048	2.438.402.693.582
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.138.345.130.691	2.261.769.979.859
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		205.470.257.357	176.632.713.723
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.086.743.288.855	2.189.208.705.236
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		35.664.345.280.218	33.184.094.516.398



Lý Huỳnh Trúc Giang
Người lập biểu



Lý Huỳnh Trúc Giang
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.651.988.344.524	1.645.719.780.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	74.639.341.002	54.382.065.766
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	1.577.349.003.522	1.591.337.714.381
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	702.712.308.758	1.114.016.839.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		874.636.694.764	477.320.874.671
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	768.918.660.872	679.804.650.932
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	818.190.240.770	798.467.513.449
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		671.969.994.809	652.063.753.878
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.13	120.527.827	18.121.664.066
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	41.568.549.478	33.311.946.275
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	305.528.108.150	189.050.100.865
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		478.388.985.065	154.417.629.080
12. Thu nhập khác	31	VI.7	9.633.830.801	8.507.382.728
13. Chi phí khác	32	VI.8	17.768.560.312	3.468.337.310
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(8.134.729.511)	5.039.045.418
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		470.254.255.554	159.456.674.498
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	37.321.381.697	48.602.485.427
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	(10.570.115.408)	(7.015.975.294)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		443.502.989.265	117.870.164.365
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		265.430.480.379	43.221.530.730
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		178.072.508.886	74.648.633.635
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	763	139
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	647	191

Lý Huỳnh Trúc Giang
Người lập biểu

Lý Huỳnh Trúc Giang
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	470.254.255.554	159.456.674.498
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	543.681.151.239	371.744.182.956
Các khoản dự phòng	03	73.038.160.950	9.483.069.810
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(617.200.694.488)	(687.534.513.924)
Chi phí lãi vay	06	715.308.402.877	742.878.969.171
Các khoản điều chỉnh khác	07	51.224.557.872	16.039.497.606
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.236.305.834.004	612.067.880.117
Giảm các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	149.809.441.370	393.205.003.963
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(2.559.746.699)	615.149.352.454
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	(126.592.586.266)	(988.369.049.993)
Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh	12	(33.816.717.730)	817.256.955
Tiền lãi vay đã trả	13	4.467.818.076	(335.053.433.200)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(918.463.721.008)	(984.221.106.993)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(58.253.438.157)	(18.060.050.713)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17	(12.909.650.208)	(5.344.806.247)
	20	237.987.233.382	(709.808.953.657)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(289.152.476.155)	(191.621.503.285)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.866.156.644	564.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.436.907.253.462)	(1.175.657.806.871)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.381.296.729.403	642.464.349.711
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(200.365.630.250)	(7.659.383.660)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	657.443.083.477
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	151.175.897.985	260.535.351.626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.391.086.575.835)	186.068.636.453

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và tái phát hành cổ phiếu quỹ	31	13.136.200.000	563.766.994.197
2. Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư	33	6.311.113.346.251	7.474.122.805.930
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.823.914.910.605)	(7.240.633.387.232)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(323.966.995.694)	(5.625.410.174)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.176.367.639.952	791.631.002.721
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	23.268.297.499	267.890.685.517
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.200.711.815.688	275.742.966.899
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	1.223.980.113.187	543.633.652.416

Lý Huỳnh Trúc Giang
Người lập biểu

Lý Huỳnh Trúc Giang
Kế toán trưởng

Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302483177 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và điều chỉnh lần thứ 35 ngày 23 tháng 05 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 3.187.781.130.000 đồng, chia thành 318.778.113 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: C.I.I.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CII.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là khoảng 550 người và 460 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; kinh doanh bất động sản; vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt, khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; thi công xây dựng; khai thác sản xuất đá, gạch; mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị; cung cấp dịch vụ thu phí giao thông; cung cấp thiết bị, lắp đặt và duy tu trạm thu phí giao thông; trồng cây xanh; cung cấp dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của mỗi dự án ước tính trong vòng 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Đầu tư trực tiếp

Tên công ty	30/06/2024						01/01/2024					
	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích			Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích						
		Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu			Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu					
			trực tiếp (%)	gián tiếp (%)			trực tiếp (%)	gián tiếp (%)				
Các công ty con												
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	54,84%	54,84%	54,84%	0,00%	54,84%	54,84%	0,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Chỉ	Đầu tư vào các dự án cầu đường		
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) (i)	54,53%	54,37%	50,31%	4,06%	49,54%	48,26%	37,52%	10,74%	Tp. Hồ Chí Minh	Chỉ	Kinh doanh bất động sản	
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	96,23%	96,23%	96,23%	0,00%	89,33%	89,33%	89,33%	0,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Chỉ	Thi công xây dựng	
4. Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT)	100%	100%	100%	0,00%	100%	100%	100%	0,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Chỉ	Đầu tư vào dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T; kinh doanh bất động sản	
5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (ii)	100%	76,97%	49,00%	27,97%	100%	76,97%	49,00%	27,97%	Tp. Hồ Chí Minh	Chỉ	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	
6. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	100%	100%	100%	0,00%	100%	100%	100%	0,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Chỉ	Cung cấp các dịch vụ về hạ tầng	
7. Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	100%	100%	100%	0,00%	100%	100%	100%	0,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Chỉ	Kinh doanh bất động sản	
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	100%	100%	100%	0,00%	100%	100%	100%	0,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Chỉ	Kinh doanh bất động sản	
9. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	98,85%	98,85%	98,85%	0,00%	98,85%	98,85%	98,85%	0,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Chỉ	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật	

Đầu tư vào các dự án cầu đường
Kinh doanh bất động sản
Thị công xây dựng
Đầu tư vào dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T; kinh doanh bất động sản
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Cung cấp các dịch vụ về hạ tầng
Kinh doanh bất động sản
Kinh doanh bất động sản
Đầu tư hạ tầng kỹ thuật

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty	30/06/2024				01/01/2024				Hoạt động chính
	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích				
		Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu		Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu			
			trực tiếp (%)			gián tiếp (%)	trực tiếp (%)	gián tiếp (%)	
Các công ty con (tiếp theo)									
10. Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	95,00%	95,00%	95,00%	0,00%	95,00%	95,00%	0,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
11. Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn (SGBC)	100%	100%	100%	0,00%	100%	100%	0,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật
12. Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Trung Bộ	100%	100%	100%	0,00%	100%	100%	0,00%	Tỉnh Quảng Ngãi	Kinh doanh bất động sản

(i) Vào ngày 18 tháng 03 năm 2024, Công ty mua thêm cổ phiếu NBB, nâng tỷ lệ nắm giữ trực tiếp từ 37,53% lên 39,62%. Cùng với việc đầu tư gián tiếp thông qua công ty con - CII E&C với tỷ lệ nắm giữ là 12,02%, tổng tỷ lệ quyền biểu quyết của tập đoàn trong Công ty NBB tại ngày 18 tháng 3 năm 2024 là 51,63%, do vậy Công ty NBB từ công ty liên kết trở thành công ty con kể từ ngày này.

(ii) Công ty đang nắm giữ trực tiếp 49% và nắm giữ gián tiếp 51% quyền biểu quyết trong công ty con này thông qua Công ty CII B&R (xem thuyết minh dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Đầu tư gián tiếp

Tên công ty	30/06/2024						01/01/2024					
	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)			Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)			Tỷ lệ lợi ích			Tỷ lệ lợi ích		
	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)
Các công ty con đầu tư gián tiếp thông qua CII B&R												
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	89,00%	89,00%	0,00%	89,00%	89,00%	0,00%	89,00%	0,00%	89,00%	89,00%	0,00%	89,00%
Đầu tư dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận												
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51,00%	27,97%	0,00%	51,00%	27,97%	0,00%	51,00%	0,00%	27,97%	27,97%	0,00%	27,97%
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội												
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	54,84%	0,00%	100%	54,84%	0,00%	100%	0,00%	54,84%	54,84%	0,00%	54,84%
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận												
4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	54,83%	0,00%	99,99%	54,83%	0,00%	99,99%	0,00%	54,83%	54,83%	0,00%	54,83%
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm												
5. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (BOTRM)	50,36%	27,62%	0,00%	50,36%	27,62%	0,00%	50,36%	0,00%	27,62%	27,62%	0,00%	27,62%
Đầu tư dự án B.O.T Cầu Rạch Miễu và nâng cấp Quốc lộ 60												
6. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	50,53%	27,71%	0,00%	50,53%	27,71%	0,00%	50,53%	0,00%	27,71%	27,71%	0,00%	27,71%
Đầu tư dự án B.O.T cầu Cổ Chiên												
7. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	54,83%	0,00%	99,99%	54,83%	0,00%	99,99%	0,00%	54,83%	54,83%	0,00%	54,83%
Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường												
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (VRG)	100%	54,83%	0,00%	100%	54,83%	0,00%	100%	0,00%	54,83%	54,83%	0,00%	54,83%
Đầu tư Dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741												
9. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII (CIIBR OM) (i)	66,67%	36,56%	0,00%	66,67%	36,56%	0,00%	66,67%	0,00%	36,56%	36,56%	0,00%	36,56%
Cung cấp các dịch vụ về hạ tầng												

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty	30/06/2024						01/01/2024					
	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích			Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích						
		Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu			Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu					
			trực tiếp (%)	gián tiếp (%)			trực tiếp (%)	gián tiếp (%)				
Các công ty con đầu tư gián tiếp thông qua NBB												
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	100%	54,37%	0%	54,37%	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
2. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	95,00%	51,65%	0%	51,65%	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	100%	54,37%	0%	54,37%	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
4. Công ty TNHH Hương Trà	99,00%	53,83%	0%	53,83%	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Công ty liên kết đầu tư gián tiếp thông qua NBB												
1. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	49,00%	26,64%	0%	26,64%	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

(i) Công ty đang nắm giữ gián tiếp 66,67% quyền biểu quyết trong công ty con này thông qua Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Thoái vốn trong công ty con

Khi Công ty thoái vốn, mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của Công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kỳ thoái vốn.

Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con sẽ được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo riêng của công ty mẹ sau khi điều chỉnh cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ tương ứng kể từ ngày mua nếu sau khi thoái vốn công ty con trở thành công ty liên kết, hoặc trình bày theo giá gốc nếu công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường.

Trường hợp trước đây Công ty đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, toàn bộ phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mất quyền kiểm soát.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con nhưng không dẫn đến mất quyền kiểm soát được ghi nhận như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Ảnh hưởng của các giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất thay vì ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kỳ phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó giá trị ghi sổ được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên kết kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Khi Công ty thoái một phần vốn trong công ty liên kết, lãi/lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp Công ty hoặc các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên kết phải được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu, tương tự như kế toán khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Góp vốn liên doanh** (tiếp theo)

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được tính vào lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**Chứng khoán kinh doanh** (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Giá thị trường của chứng khoán kinh doanh niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Đối với cổ phiếu giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định về mức trích lập của các khoản đầu tư khác. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà giá trị hợp lý có thể xác định được một cách đáng tin cậy thì dự phòng được trích lập dựa theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Trình bày giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được xác định cho mục đích thuyết minh mà không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất do quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa cho phép doanh nghiệp kế toán các khoản đầu tư này theo giá trị hợp lý. Cho mục đích thuyết minh, giá trị hợp lý của các công ty niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư còn lại sẽ được xác định giá trị hợp lý theo các phương pháp và cách thức xác định giá trị hợp lý của Công ty dựa trên việc áp dụng tiệm cận chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và thông lệ quốc tế về giá trị hợp lý. Trong một số trường hợp, khi thông tin và giao dịch về các khoản đầu tư không có sẵn, giá trị hợp lý sẽ không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho***Hàng hóa bất động sản***

Hàng hóa bất động sản của Công ty bao gồm các bất động sản được mua hoặc xây dựng để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường, được ghi nhận trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng và các khoản chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, giá trị quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông có được từ các hợp đồng B.O.T ký giữa Công ty và các cơ quan đại diện của Nhà nước được ghi nhận theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng kỳ được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng kỳ và tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của quyền thu phí giao thông tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Quyền khai thác các loại khoáng sản mà Công ty có được từ việc mua công ty con được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận theo giá trị hợp lý của số tiền mà công ty con phải nộp cho UBND địa phương để có được quyền khai thác trong suốt thời gian được phép khai thác. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mà Công ty được quyền khai thác.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại và các vật kiến trúc khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

	Số năm	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cao ốc và nhà văn phòng	30 - 35	30
Trung tâm thương mại	22 - 30	22 - 30
Bãi giữ xe	N/A	30 - 50
Khu vực tiện ích	10 - 30	10 - 30

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dài hạn không trích khấu hao theo quy định hiện hành. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Chi phí bán và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ bán bất động sản đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T chờ phân bổ, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường, phí cam kết rút vốn, chi phí nhà mẫu và môi giới của các dự án kinh doanh bất động sản, chi phí quản lý, lưu ký trái phiếu, các chi phí khai thác khoáng sản không được vốn hóa vào giá trị tài sản cố định vô hình, và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay của các dự án B.O.T là chi phí của các khoản vay trực tiếp đầu tư vào dự án nhưng không được vốn hóa vào nguyên giá tài sản hoặc chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ doanh thu thu phí khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động đối với các dự án Công ty làm chủ đầu tư hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường theo quy định của hợp đồng B.O.T được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

Phí cam kết rút vốn là chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Chi phí môi giới, chi phí nhà mẫu của các dự án kinh doanh bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu của các dự án khi Công ty bàn giao nhà cho khách hàng.

Chi phí quản lý, lưu ký trái phiếu là các khoản chi phí định kỳ liên quan đến trái phiếu phát hành và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo thời gian quản lý và lưu ký trái phiếu.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho UBND địa phương nơi khai thác.

Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá được ghi nhận là chi phí trả trước khi Công ty có thể tiếp cận được lớp đá mới để khai thác. Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí phát sinh có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng kỳ so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian được khai thác mỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản trả trước** (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí in vé cầu đường, chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí, chi phí lắp đặt hệ thống hạ tầng nước, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Trái phiếu chuyển đổi** (tiếp theo)

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cầu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ thu phí giao thông đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ hàng kỳ của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

- (a) Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Đối với các bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư: khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng thì Công ty được ghi nhận doanh thu khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng khi đáp ứng tất cả năm (5) điều kiện tương tự như trên.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản đầu tư;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản đầu tư.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê bất động sản bao gồm tiền cho thuê văn phòng, thương mại và các cơ sở hạ tầng khác theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư

Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được xác định là giá trị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện. Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch mà không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại trong bất cứ tình huống nào.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn và chứng khoán kinh doanh được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Khoản lãi này được ghi nhận vào ngày hoàn thành giao dịch.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng

Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã chuyển nhượng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Giá vốn bất động sản đầu tư chuyển nhượng bao gồm giá trị còn lại của bất động sản tại thời điểm chuyển nhượng và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến giao dịch chuyển nhượng.

Giá vốn cho thuê bất động sản

Giá vốn cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí khấu hao bất động sản và các chi phí liên quan trực tiếp khác tới việc cho thuê bất động sản.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ngoại tệ** (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ báo cáo sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hoạt động hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	3.817.487.011	2.495.676.770
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	985.070.095.634	1.030.350.341.944
Các khoản tương đương tiền	235.092.530.542	167.865.796.974
Cộng	1.223.980.113.187	1.200.711.815.688

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng.

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và 01 tháng 01 năm 2024 bao gồm các khoản tiền bị phong tỏa để đảm bảo thực hiện hợp đồng và một số nghĩa vụ tài chính khác của Công ty với giá trị lần lượt là 34.500.000.000 đồng và 308.250.701.998 đồng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Khách hàng nhận chuyển nhượng bất động sản	616.617.411.335	365.825.884.362
Khách hàng nhận chuyển nhượng vốn	6.402.366.195	4.515.792.596
Phải thu là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.3)	-	20.896.460.016
Phải thu khách hàng khác	127.959.857.165	93.817.436.537
Cộng	750.979.634.695	485.055.573.511

3. Trả trước cho người bán

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T, B.T:	45.544.913.312	64.939.597.243
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	28.119.100.248
Các đối tượng khác	45.544.913.312	36.820.496.995
Trả trước cho người bán khác	438.759.677.353	156.939.344.635
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc (i)	192.841.775.900	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân Dụng E&C	40.447.883.701	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Sài Gòn	35.428.093.367	28.533.169.574
Trả trước cho người bán là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.3)	-	23.331.720.629
Các đối tượng khác	170.041.924.385	105.074.454.432
Cộng	484.304.590.665	221.878.941.878

(i) Đây là khoản tạm ứng theo hợp đồng để thực hiện mỗi gói bán căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay (hỗ trợ vốn)**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành (i)	364.047.565.941	336.694.967.033
Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City (i)	284.234.639.180	264.736.010.355
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (ii)	244.949.766.595	232.507.907.879
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam (i)	205.500.000.000	205.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	200.000.000.000	-
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.3)	-	290.766.338.258
Các đối tượng khác	399.779.807.168	253.191.137.974
Cộng	1.698.511.778.884	1.583.396.361.499
b. Dài hạn		
Công ty TNHH Sài Gòn Riverfront (i)	12.613.885.726	-
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.3)	-	967.300.000.000
Các đối tượng khác	1.194.200.000	-
Cộng	13.808.085.726	967.300.000.000
Tổng cộng	1.712.319.864.610	2.550.696.361.499

(i) Số dư cuối kỳ là các khoản hỗ trợ vốn với thời gian thu hồi từ 1 năm đến 2 năm hoặc khi Công ty có nhu cầu sử dụng vốn. Lãi suất theo thỏa thuận dao động từ 5%/năm đến 13%/năm.

(ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An theo hợp đồng với thời hạn 10 năm kể từ ngày 26 tháng 1 năm 2018. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng phần vốn và các lợi ích khác của Khánh An trong Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Phải thu tiền bán căn hộ (i)	287.201.472.944	287.201.472.944
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	192.096.494.836	850.251.833.585
Tạm ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng	170.224.866.255	-
Lãi phải thu từ các khoản hợp tác đầu tư, hỗ trợ vốn, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	156.432.411.922	134.242.292.507
Tạm ứng lợi nhuận cho các nhà đầu tư	140.241.454.319	140.241.454.319
Phải thu người lao động (ii)	121.727.587.742	74.130.960.474
Lãi vốn chủ của các dự án B.O.T (iii)	102.449.115.744	102.449.115.744
Tạm ứng vốn thi công các công trình xây dựng	97.857.360.582	114.876.109.521
Các khoản phải thu theo hợp đồng BCC	49.027.870.496	49.027.870.496
Các khoản phải thu khác	268.209.139.967	178.621.656.591
Cộng	1.585.467.774.807	1.931.042.766.181
b. Phải thu dài hạn		
Lãi vốn chủ của các dự án B.O.T (iii)	1.079.040.736.943	1.130.265.294.815
Giá trị quyền hợp tác đầu tư, phát triển dự án (iv)	554.000.000.000	554.000.000.000
Các khoản phải thu tài chính khác từ hợp đồng B.O.T (v)	209.768.696.391	60.997.107.077
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	30.258.890.114	7.638.245.950
Vốn góp hợp tác đầu tư	-	196.814.068.524
Lãi phải thu từ các khoản hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn	217.719.123	84.598.403.870
Các khoản phải thu khác	21.790.000.000	33.870.000.000
Cộng	1.895.076.042.571	2.068.183.120.236
Tổng cộng	3.480.543.817.378	3.999.225.886.417
Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.3)	-	850.557.104.185

(i) Số dư thể hiện khoản tiền Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp Cầu Địa Ốc thu hộ từ các khách hàng mua căn hộ của Công ty. Lãi suất thỏa thuận của các khoản thu hộ chưa hoàn trả về là 12%/năm.

(ii) Số dư bao gồm số tiền 86.165.000.000 đồng tạm ứng cho Ban Tổng Giám đốc để thực hiện công tác cần thiết cho việc triển khai đầu tư các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu khác** (tiếp theo)

(iii) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.159.045.956.679	1.209.439.259.143
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	22.443.896.008	23.275.151.416
	1.181.489.852.687	1.232.714.410.559
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(102.449.115.744)	(102.449.115.744)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.079.040.736.943	1.130.265.294.815

(iv) Đây là giá trị quyền tham gia phát triển các dự án kinh doanh bất động sản và khu đất thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy, bao gồm:

- Chi phí mua 30% quyền hợp tác phát triển dự án khu nghỉ dưỡng Delagi với giá trị là 404.000.000.000 đồng. Công ty được phân chia 30% lợi nhuận của dự án;
- Chi phí mua 30% quyền tham gia đầu tư và phát triển khu đất tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 150.000.000.000 đồng. Công ty sẽ được nhận 30% lợi nhuận sau thuế từ việc đầu tư phát triển dự án.

(v) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản lợi ích tài chính sẽ thu hồi từ hoạt động thu phí giao thông của Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (Xem thêm Thuyết minh số VI.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6. Nợ xấu	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	64.337.053.644	3.367.674.522	(60.969.379.122)	46.391.962.120
Trả trước cho người bán ngắn hạn	37.863.897.544	-	(37.863.897.544)	5.186.328.935
Phải thu về cho vay	31.993.591.881	6.910.603.537	(25.082.988.344)	31.993.591.881
Phải thu ngắn hạn khác	165.030.353.414	38.502.757.957	(126.527.595.457)	123.375.723.986
Cộng	299.224.896.483	48.781.036.016	(250.443.860.467)	206.947.606.922
				45.413.361.494
				(161.534.245.428)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	
	VND		VND	
Số dư đầu kỳ	(161.534.245.428)	(171.485.215.163)		
Trích lập dự phòng trong kỳ	(19.544.146.345)	(7.187.441.565)		
Tăng do hợp nhất công ty con (i)	(69.365.468.694)	-		
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	1.269.508.007		
Dự phòng giảm do thoái vốn công ty con	-	110.511.165.539		
Xóa nợ khó đòi	-	323.101.105		
Số dư cuối kỳ	(250.443.860.467)	(66.568.882.077)		

(i) Đây là số dư khoản dự phòng của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bầy tại ngày hợp nhất kinh doanh (xem thêm tại Thuyết minh V.15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.892.736	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	38.740.171	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.147.758.460.544	-	403.631.630.396	-
Bất động sản xây dựng dở dang (i)	1.756.287.345.996	-	44.431.090.953	-
Các công trình xây dựng dở dang	369.985.000.602	-	353.541.127.449	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	18.649.298.207	-	-	-
Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang	2.836.815.739	-	5.659.411.994	-
Thành phẩm bất động sản (ii)	57.823.101.378	-	103.064.286.620	-
Thành phẩm nhập kho	14.722.037.938	-	-	-
Hàng hóa bất động sản	20.221.758.000	-	77.277.615.278	(7.277.615.278)
Hàng hóa khác	473.333.692	-	5.076.011.720	-
Cộng	2.241.048.324.459	-	589.049.544.014	(7.277.615.278)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, một số dự án đầu tư và phát triển bất động sản và hàng tồn kho khác với giá trị là 1.639.959.538.726 đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (xem thêm tại *Thuyết minh V.21*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho** (tiếp theo)

(i) Bất động sản dở dang bao gồm chi phí đầu tư và phát triển của các dự án sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư Delagi	1.028.432.562.546	-
Dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	611.526.976.180	-
Các dự án khác	116.327.807.270	44.431.090.953
Cộng	1.756.287.345.996	44.431.090.953

Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi tại Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận với mục tiêu kinh doanh khu nghỉ dưỡng cao cấp đáp ứng nhu cầu du lịch, giải trí và lưu trú của du khách, đầu tư khu dân cư nhằm đáp ứng nhu cầu tái định cư và nhu cầu lưu trú của cán bộ công nhân viên khu du lịch. Dự án được cấp giấy Chứng nhận đầu tư lần đầu số 48121000413 ngày 04 tháng 8 năm 2009. Tổng diện tích đất quy hoạch là 124,53 ha, tổng vốn đầu tư dự án là 2.725,7 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, dự án đang tiếp tục công tác đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng. Ngoài ra, Công ty đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Thuận bàn giao 67,45 ha và đang tiến hành thi công hạ tầng trên phần đất này.

Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi tại Phường Trương Quang Trọng và xã Tịnh An Đông, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi với mục tiêu đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trên cơ sở quy hoạch được duyệt, bao gồm các khu chức năng như: đất ở, đất công trình công cộng, thương mại, dịch vụ, công viên cây xanh, mặt nước, ... nhằm đáp ứng nhu cầu cho người dân trong khu vực và các tổ chức khác trong và ngoài nước. Dự án được cấp giấy Chứng nhận đầu tư lần đầu số 34121000043 ngày 06 tháng 3 năm 2009. Tổng diện tích đất quy hoạch là 102,69 ha, tổng vốn đầu tư dự án là 1.752 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, dự án đang triển khai kinh doanh đối với khu vực đã hoàn thành hạ tầng. Đồng thời tiếp tục triển khai, hoàn tất công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thi công hạ tầng trên phần diện tích còn lại.

(ii) Thành phẩm bất động sản bao gồm sản phẩm của các dự án sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án khu nhà ở chung cư tại lô 3.2	22.444.567.982	9.372.849.108
Dự án khu nhà ở chung cư tại số 152 Điện Biên Phủ	19.994.651.869	28.131.260.263
Các dự án khác	15.383.881.527	65.560.177.249
Cộng	57.823.101.378	103.064.286.620

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa lãi vay vào các dự án với tổng giá trị là 21.257.374.159 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí quản lý, lưu ký trái phiếu	15.179.025.090	2.005.000.000
Phí cam kết rút vốn	12.303.030.299	2.809.000.001
Các khoản chi phí trả trước khác	8.046.020.744	8.957.108.371
Cộng	35.528.076.133	13.771.108.372
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T (i)	3.158.051.046.225	2.852.471.339.354
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	147.659.302.762	113.279.455.423
Chi phí hoa hồng môi giới bất động sản	110.102.162.371	5.325.122.010
Chi phí liên quan đến thủ tục vay chờ phân bổ	97.152.636.789	101.751.279.158
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng và bất động sản cho thuê	38.262.296.521	29.661.479.161
Các khoản chi phí trả trước khác	154.527.718.399	34.098.607.675
Cộng	3.705.755.163.067	3.136.587.282.781
Tổng cộng	3.741.283.239.200	3.150.358.391.153
(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:		
Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	1.015.216.965.106	865.336.572.950
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	998.865.645.819	941.021.153.096
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	682.415.628.979	599.140.016.362
Dự án cầu Cổ Chiên	285.202.771.010	274.781.177.657
Dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 - Cầu Rạch Miễu	176.350.035.311	172.192.419.289
Cộng	3.158.051.046.225	2.852.471.339.354

Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 là 34,78%; Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 17,95%; Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 7% (tỷ lệ phân bổ của kỳ trước là 5%); Dự án cầu Cổ Chiên là 18% và Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 - Cầu Rạch Miễu là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước (tiếp theo)

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Chi phí lãi vay của các dự án BOT VND	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường VND	Chi phí đi vay chờ phân bổ VND	Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng và bất động sản cho thuê VND	Chi phí hoa hồng môi giới bất động sản VND	Chi phí khác chờ phân bổ VND	Công VND
Tại ngày 01/01/2023	1.681.228.340.075	120.219.001.757	-	11.105.437.439	26.149.775.493	44.219.599.537	1.882.922.154.301
Chi phí tăng trong kỳ	289.395.951.233	7.784.856.960	-	32.625.128.127	1.697.730.740	6.337.551.167	337.841.218.227
Phân bổ trong kỳ	(82.234.410.623)	(20.334.041.263)	-	(6.266.016.767)	(26.216.545.042)	(14.819.356.773)	(149.870.370.468)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	(145.193.333)	-	(11.623.795.033)	(11.768.988.366)
Tại ngày 30/06/2023	1.888.389.880.685	107.669.817.454	-	37.319.355.466	1.630.961.191	24.113.998.898	2.059.124.013.694
Tại ngày 01/01/2024	2.852.471.339.354	113.279.455.423	101.751.279.158	29.661.479.161	5.325.122.010	34.098.607.675	3.136.587.282.781
Chi phí tăng trong kỳ	580.821.241.080	69.425.794.494	-	12.004.781.834	1.902.399.000	5.264.383.941	669.418.600.349
Tăng do hợp nhất công ty con (i)	-	-	-	-	103.454.109.092	125.448.186.807	228.902.295.899
Phân bổ trong kỳ	(275.241.534.209)	(35.045.947.155)	(4.598.642.369)	(3.403.964.474)	(579.467.731)	(9.933.460.024)	(328.803.015.962)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Tại ngày 30/06/2024	3.158.051.046.225	147.659.302.762	97.152.636.789	38.262.296.521	110.102.162.371	154.527.718.399	3.705.755.163.067

(i) Đây là giá trị còn lại của các khoản chi phí trả trước của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy tại ngày hợp nhất kinh doanh (xem thêm tại Thuyết minh V.15).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	8.878.932.264	46.907.370.855	55.164.367.700	3.284.454.781	114.235.125.600
Mua trong kỳ	-	3.412.536.364	1.460.250.000	-	4.872.786.364
Tăng do hợp nhất công ty con (i)	224.460.013.400	27.576.317.229	20.471.874.756	1.211.613.637	273.719.819.022
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.821.019.728)	(4.020.689.091)	(38.190.909)	(10.879.899.728)
Giảm khác	-	-	(235.272.728)	-	(235.272.728)
Phân loại lại từ bất động sản đầu tư	171.680.962.159	-	-	-	171.680.962.159
Tại ngày 30/06/2024	405.019.907.823	71.075.204.720	72.840.530.637	4.457.877.509	553.393.520.689
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	7.048.948.938	35.500.439.124	43.357.361.128	2.946.938.381	88.853.687.571
Khấu hao trong kỳ	989.424.002	2.122.528.583	2.557.347.451	233.100.787	5.902.400.823
Tăng do hợp nhất công ty con (i)	40.906.702.929	25.864.249.923	17.248.928.513	1.018.191.784	85.038.073.149
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.457.383.364)	(3.722.354.780)	(34.195.022)	(7.213.933.166)
Giảm khác	-	-	(187.952.542)	-	(187.952.542)
Phân loại lại từ bất động sản đầu tư	6.091.872.247	-	-	-	6.091.872.247
Tại ngày 30/06/2024	55.036.948.116	60.029.834.266	59.253.329.770	4.164.035.930	178.484.148.082
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	1.829.983.326	11.406.931.731	11.807.006.572	337.516.400	25.381.438.029
Tại ngày 30/06/2024	349.982.959.707	11.045.370.454	13.587.200.867	293.841.579	374.909.372.607

(i) Đây là giá trị tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy tại ngày hợp nhất kinh doanh (xem thêm tại *Thuyết minh V.15*).

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 82.622.311.024 đồng và 47.394.157.105 đồng.

Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và các phương tiện vận tải, truyền dẫn để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá của các tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 28.608.648.930 đồng và 8.026.105.400 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình		Quyền thu phí giao thông VND		Quyền sử dụng đất VND		Chương trình phần mềm VND		Cộng VND
Nguyên giá	Tại ngày 01/01/2024	20.071.490.989.747		1.183.149.000		3.916.657.245		20.076.590.795.992
	Đầu tư XDCB hoàn thành	88.895.465.402		-		60.000.000		88.955.465.402
	Mua trong kỳ	-		-		120.000.000		120.000.000
	Tăng do hợp nhất công ty con (i)	-		31.477.827.986		269.100.000		31.746.927.986
	Tăng khác	450.000.000		-		-		450.000.000
	Tại ngày 30/06/2024	20.160.832.455.149		32.660.976.986		4.365.757.245		20.197.859.189.380
Giá trị hao mòn lũy kế	Tại ngày 01/01/2024	3.699.383.735.929		22.847.529		2.334.192.527		3.701.740.775.985
	Khấu hao trong kỳ	335.717.402.120		-		285.713.497		336.003.115.617
	Tăng do hợp nhất công ty con (i)	-		100.000.000		269.100.000		369.100.000
	Giảm khác	-		-		-		-
	Tại ngày 30/06/2024	4.035.101.138.049		122.847.529		2.889.006.024		4.038.112.991.602
Giá trị còn lại	Tại ngày 01/01/2024	16.372.107.253.818		1.160.301.471		1.582.464.718		16.374.850.020.007
	Tại ngày 30/06/2024	16.125.731.317.100		32.538.129.457		1.476.751.221		16.159.746.197.778

(i) Đây là giá trị tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy tại ngày hợp nhất kinh doanh (xem thêm tại Thuyết minh V.15).

Quyền sử dụng đất và một số tài sản vô hình khác đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay. Tổng nguyên giá của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 14.283.733.276.523 đồng và 16.372.107.253.818 đồng.

Nguyên giá quyền thu phí giao thông đã hoàn đủ vốn đầu tư và chờ thanh lý với cơ quan Nhà nước tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 2.129.694.023.235 đồng và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 2.129.244.023.235 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**Thông tin về các dự án B.O.T đang thu phí hoàn vốn đầu tư như sau:****a. Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1**

Quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 9.449.500.283.045 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T số 14/HĐ.BOT-GTVT ngày 18 tháng 11 năm 2016 ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang và các phụ lục hợp đồng. Dự án này được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ 0h ngày 09 tháng 8 năm 2022. Theo phương án tài chính trong phụ lục hợp đồng B.O.T năm 2019, Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 14 năm 8 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ là 30,18%. Tỷ lệ khấu hao này có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi quyết toán giá trị đầu tư vào dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp thuận hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư xây dựng dự án.

Tại ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("Công ty dự án"), Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng thêm 691.728.230.913 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm 6 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

b. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 3.553.726.831.061 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2021. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 17 năm 9 tháng. Thời gian thu phí sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 14%/năm bao gồm cả giai đoạn đầu tư xây dựng.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 15,35% (tỷ lệ khấu hao kỳ trước là 13,426%). Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**c. Dự án Mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh**

Công ty được phép thu phí giao thông cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 05 tháng 7 năm 2021, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn. Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 33% và sẽ được điều chỉnh phù hợp sau khi có quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế và đăng ký tỷ lệ với cơ quan thuế. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước.

d. Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 698.254.877.278 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 09 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 01 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Theo hợp đồng B.O.T, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 30,81 năm, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng là 8,4%/năm. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10,47% (tỷ lệ khấu hao kỳ trước là 7,77%). Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

e. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.488.747.655.945 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (*thuyết minh bên dưới*) theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Thời gian thu phí khoảng 19 năm 7 tháng và dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 10 năm 2036.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**e. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận** (tiếp theo)

Thời gian thu phí sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 12%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 12,28%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế.

f. Quyền thu phí giao thông cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 23% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*chi tiết xem tại Thuyết minh V.21*).

Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý**Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm**

Công ty được quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T theo hợp đồng ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn dự án này trong quý 3 năm 2023 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản chờ thanh lý là 575.246.181.077 đồng.

Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc mới

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc mới. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản chờ thanh lý là 1.058.840.204.896 đồng.

Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu

Công ty được quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Cao ốc văn phòng (ii) VND	Bãi giữ xe VND	Trung tâm thương mại VND	Khu vực tiện ích khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	5.836.987.368	789.021.266.588	134.946.399.116	15.258.617.831	20.791.761.022	965.855.031.925
Tăng do hợp nhất công ty con (i)	-	-	-	-	14.719.606.029	14.719.606.029
Tăng khác	-	308.400.000	245.306.467	58.073.378	72.401.334	684.181.179
Phân loại lại	-	(36.489.256.576)	(135.191.705.583)	-	-	(171.680.962.159)
Tại ngày 30/06/2024	5.836.987.368	752.840.410.012	-	15.316.691.209	35.583.768.385	809.577.856.974
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	839.830.635	56.825.069.698	3.436.878.749	501.353.604	634.533.945	62.237.666.631
Khấu hao trong kỳ	-	13.322.347.572	1.493.164.484	273.534.480	392.680.430	15.481.726.966
Tăng do hợp nhất công ty con (i)	-	-	-	-	5.396.188.204	5.396.188.204
Phân loại lại	-	(1.161.829.014)	(4.930.043.233)	-	-	(6.091.872.247)
Tại ngày 30/06/2024	839.830.635	68.985.588.256	-	774.888.084	6.423.402.579	77.023.709.554
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	4.997.156.733	732.196.196.890	131.509.520.367	14.757.264.227	20.157.227.077	903.617.365.294
Tại ngày 30/06/2024	4.997.156.733	683.854.821.756	-	14.541.803.125	29.160.365.806	732.554.147.420

(i) Lô đất tại địa chỉ 29/3 đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn sử dụng là 50 năm (đến hết ngày 19 tháng 1 năm 2056). Công ty đã sử dụng lô đất này để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long (xem thêm tại thuyết minh V.21).

(ii) Cao ốc văn phòng Điện Biên Phủ là tài sản được hình thành từ hợp đồng B.O.T kết hợp B.T. Dự án bắt đầu đưa vào vận hành từ quý 4 năm 2021. Thời gian khai thác tạm tính là 30 năm. Công ty đã sử dụng một số quyền đối với tài sản này để đảm bảo cho nghĩa vụ tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng nguyên giá của bất động sản đầu tư đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 758.677.397.380 đồng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng không có sự suy giảm giá trị so với giá trị ghi sổ tại ngày báo cáo của những tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thu nhập từ cho thuê bất động sản	30.509.521.051	9.354.463.588
Chi phí hoạt động, kinh doanh trực tiếp của bất động sản đầu tư tạo ra thu nhập cho thuê trong kỳ	27.488.790.341	17.230.723.707
Lợi nhuận/(lỗ) từ cho thuê bất động sản	3.020.730.710	(7.876.260.119)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án đầu tư bất động sản NBB Garden III (i)	882.244.633.481	-
Dự án đầu tư bất động sản NBB II (ii)	829.180.804.078	-
Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (iii)	399.962.308.197	387.553.430.120
Các dự án bất động sản được khai thác từ hợp đồng B.T trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	63.906.853.818	63.906.853.818
Các dự án khác	67.466.969.508	95.413.727.251
Cộng	2.242.761.569.082	546.874.011.189

(i) Dự án đầu tư bất động sản NBB Garden III tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với mục tiêu đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng chung cư, căn hộ shophouse và các tiện tích khác. Dự án được Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 ngày 15 tháng 4 năm 2010. Tổng diện tích đất quy hoạch là 5,27 ha, tổng vốn đầu tư dự án là 2.706 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, dự án đã hoàn thành công tác đền bù, và đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục pháp lý để xây dựng. Công ty đã thế chấp dự án để đảm bảo cho khoản tiền vay tại ngân hàng (xem thêm tại *Thuyết minh V.21*).

(ii) Dự án đầu tư bất động sản NBB II tại Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh với mục tiêu đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng chung cư, căn hộ shophouse và các tiện tích khác. Tổng diện tích đất quy hoạch là 7,88 ha, tổng vốn đầu tư dự án là 2.433 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, dự án đã hoàn thành công tác đền bù và đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục pháp lý để xây dựng. Công ty đã thế chấp dự án để đảm bảo cho khoản tiền vay tại ngân hàng (xem thêm tại *Thuyết minh V.21*).

(iii) Đây là dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Dự án này được Nhà nước thanh toán bằng hình thức giao đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm để Công ty đầu tư xây dựng các dự án khác nhằm phát triển mảng kinh doanh bất động sản.

Trong kỳ, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào các dự án dở dang là 28.698.849.479 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang** (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Số dư đầu kỳ	546.874.011.189	535.774.434.956
Chi phí đầu tư phát sinh trong kỳ	104.846.206.552	150.835.682.572
Tăng do hợp nhất công ty con (i)	1.679.996.816.743	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(88.955.465.402)	(122.985.745.616)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(18.138.597.922)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(14.247.580.810)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(1.946.824.032)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(20.105.890)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(4.437.415.993)
Số dư cuối kỳ	2.242.761.569.082	524.833.847.265

(i) Đây là giá trị tài sản dở dang của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy tại ngày hợp nhất kinh doanh (xem thêm tại Thuyết minh V.15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2024				01/01/2024			
	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tasco (mã chứng khoán: HUT)	18.167.000	390.302.984.015	308.839.000.000	(81.463.984.015)	18.367.000	394.770.802.091	371.013.400.000	(23.757.402.091)
Công ty TNHH Sài Gòn RiverFront (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront)								
Cộng		390.302.984.015	308.839.000.000	(81.463.984.015)	24.003.000	615.576.040.000	800.051.070.776	-
						1.010.346.842.091	1.171.064.470.776	(23.757.402.091)

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản chứng khoán kinh doanh như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(23.757.402.091)	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	(57.706.581.924)	(777.433.200)
Số dư cuối kỳ	(81.463.984.015)	(777.433.200)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Phân lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phân lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	-	790.453.938.328	37.225.523.694
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	4.579.636.245	(4.579.636.245)	-	-
Cộng	4.579.636.245	(4.579.636.245)	790.453.938.328	37.225.523.694
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ	-	-	827.679.462.022	

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thay đổi trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND

Giá trị ghi nhận đầu kỳ

Thay đổi trong kỳ

Phân lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết

Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty liên doanh, liên kết

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Tài cấu trúc khoản đầu tư trong công ty liên doanh, liên kết thành công ty con

Tăng vốn trong công ty liên doanh, liên kết

Giảm do thoái vốn công ty con

Tăng do thanh lý một phần khoản đầu tư trong công ty liên doanh, liên kết

Giá trị ghi nhận cuối kỳ

827.679.462.022	1.862.304.595.886
(827.679.462.022)	(158.525.406.116)
120.527.827	18.121.664.066
120.527.827	90.361.664.066
-	(72.240.000.000)
(827.799.989.849)	-
-	7.659.383.660
-	(200.612.101.974)
-	16.305.648.132
-	1.703.779.189.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024				01/01/2024			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Sài Gòn RiverFront (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront) (i)		803.369.650.000	1.000.038.839.999	-	6.000.000	187.793.610.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ	2.970.000	29.700.000.000	13.011.570.000	(16.688.430.000)	2.970.000	29.700.000.000	13.011.570.000	(16.688.430.000)
Công ty Cổ phần Pearl City	2.040.000	20.400.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Golden Real Estate		19.998.000.000	-	-		19.998.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	950.000	16.150.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	500.000	5.000.000.000 2.000.000.000	-	(5.000.000.000) (2.000.000.000)	500.000	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)
Công ty Cổ phần Hifill Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG		1.000.000.000	-	(1.000.000.000)		1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	6.600	98.101.183	128.700.000	-	6.600	98.101.183	111.540.000	-
Cộng		897.715.751.183		(24.688.430.000)		243.589.711.183		(22.688.430.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** (tiếp theo)

(i) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia, công ty con do CII sở hữu 100% vốn, đã ký hợp đồng chuyển nhượng 24.002.700 cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront (hiện đã đổi tên thành Công ty TNHH Sài Gòn RiverFront) với giá trị là 800.041.071.388 đồng cho một đối tác. Giao dịch chuyển nhượng chỉ được hoàn thành và ghi nhận khi các điều kiện tiên quyết của hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng khung và các thỏa thuận khác đã ký kết giữa các bên được hoàn tất.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Số dư đầu kỳ	(22.688.430.000)	(22.688.430.000)
Tăng do hợp nhất công ty con	(2.000.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	(24.688.430.000)	(22.688.430.000)
d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	72.642.948.403	9.595.478.187
b. Dài hạn		
Trái phiếu	151.000.000.000	151.000.000.000
Tổng cộng	223.642.948.403	160.595.478.187

Đầu tư trái phiếu của Công ty cuối kỳ bao gồm các trái phiếu do các ngân hàng thương mại phát hành với thời hạn trái phiếu từ 3 đến 10 năm, lãi suất được hưởng trong kỳ từ 6,5%/năm đến 7,6%/năm. Công ty đã sử dụng toàn bộ trái phiếu đang nắm giữ để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (xem thêm tại thuyết minh V.21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập hoãn lại

	Lãi vốn chủ sở hữu dự án B.O.T (i) VND	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (ii) VND		Dự phòng tổn thất đầu tư trong công ty con, công ty liên kết VND	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Cộng VND
		VND	20%			
a. Tài sản thuế hoãn lại						
Tại ngày 01/01/2023	262.203.048.208	-	-	-	13.802.043.503	276.005.091.711
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%		20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	20.315.196.386	-	-	-	7.827.064.807	28.142.261.193
Tại ngày 01/01/2024	241.887.851.822	-	-	-	5.974.978.696	247.862.830.518
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%		20%	20%	20%
Tăng do hợp nhất công ty con (i)	-	-	-	-	(6.021.980.861)	(6.021.980.861)
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	10.078.660.494	-	-	-	(13.376.879.149)	(3.298.218.655)
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	(220.704.000)	(220.704.000)
Tại ngày 30/06/2024	231.809.191.328	-	-	-	25.594.542.706	257.403.734.034
b. Thuế hoãn lại phải trả						
Tại ngày 01/01/2023	-	34.127.253.457	20%	35.099.107.082	39.353.772.079	108.580.132.618
Thuế suất thuế TNDN	N/A	20%		20%	20%	20%
Tăng do hợp nhất công ty con	-	138.345.646.183	-	-	-	138.345.646.183
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	(5.292.136.687)	-	(21.849.107.082)	(6.788.622.854)	(33.929.866.623)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	(13.250.000.000)	-	(13.250.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	-	167.180.762.953	20%	-	32.565.149.225	199.745.912.178
Thuế suất thuế TNDN	N/A	20%		20%	20%	20%
Tăng do hợp nhất công ty con (i)	-	-	-	786.852.028	-	786.852.028
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	(6.489.002.960)	-	-	(782.893.793)	(7.271.896.753)
Tại ngày 30/06/2024	-	160.691.759.993	-	786.852.028	31.782.255.432	193.260.867.453
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất						(10.570.115.408)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hay khi nợ phải trả được thanh toán.

(i) Đây là số dư các khoản thuế hoãn lại của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy tại ngày hợp nhất kinh doanh (xem thêm tại *Thuyết minh V.15*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**14. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

(i) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong suốt thời gian đầu tư và sẽ được thu hồi dần trong suốt thời gian thu phí hoàn vốn tương ứng với giá trị giảm dần của lãi bảo toàn vốn chủ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, số dư lãi bảo toàn vốn chủ còn được khấu trừ trong tương lai là 1.159.045.956.679 đồng (*chi tiết xem tại thuyết minh V.5*), tương ứng số thuế còn được khấu trừ là 231.809.191.328 đồng.

(ii) Số dư cuối năm là thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch hợp nhất kinh doanh sau:

- Chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tại ngày hợp nhất kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị còn lại của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại là 653.298.884.751 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 130.659.776.950 đồng.
- Chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị còn lại của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại là 150.159.915.215 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 30.031.983.043 đồng.

Các khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Trong kỳ, Công ty nâng tỷ lệ sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy từ công ty liên kết thành công ty con. Giao dịch hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày nắm quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.797.858.461
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	338.893.505.293
Trả trước cho người bán ngắn hạn	356.619.575.517
Các khoản phải thu ngắn hạn	319.036.979.801
Hàng tồn kho	1.661.847.911.823
Tài sản ngắn hạn khác	56.348.247.750
Phải thu dài hạn khác	2.332.104.403.629
Tài sản cố định hữu hình	188.681.745.873
Tài sản cố định vô hình	31.377.827.986
Bất động sản đầu tư	9.323.417.825
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.679.996.816.743
Đầu tư tài chính dài hạn	36.550.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	228.902.295.899
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	6.021.980.861
Lợi thế thương mại	37.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	(98.315.597.251)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(51.407.978.226)
Nợ ngắn hạn	(104.508.314.281)
Phải trả ngắn hạn khác	(1.240.195.222.749)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(547.073.161.316)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(322.879.240.867)
Phải trả dài hạn khác	(575.626.580.252)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(2.534.942.000.000)
Nợ dài hạn	(3.894.814.215)
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần có thể xác định được (i)	1.820.659.658.304
Tổng giá trị hợp lý của giá phí hợp nhất kinh doanh (ii)	1.289.282.005.380
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	906.761.430.679
Tổng nguồn tài trợ cho tài sản thuần	2.196.043.436.059
Lợi thế thương mại	375.383.777.755

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình làm việc với các bên tư vấn để xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) tại ngày mua. Do đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị tài sản, nợ phải trả của công ty con tại ngày mua theo giá trị sổ sách và sẽ điều chỉnh, phân bổ lại lợi thế thương mại, giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả phát sinh do giao dịch hợp nhất kinh doanh sau khi hoàn tất việc định giá (trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại** (tiếp theo)**(ii) Giá phí hợp nhất kinh doanh tại ngày mua bao gồm**

Tiền chi để mua thêm 2,09% cổ phần để nắm quyền kiểm soát	53.436.915.323
Giá trị hợp lý của 49,55% cổ phần đã nắm giữ trước ngày nắm quyền kiểm soát	1.235.845.090.057
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	1.289.282.005.380

Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con

Tiền thu về từ việc nắm giữ quyền kiểm soát công ty con	16.797.858.461
Tiền chi mua thêm cổ phần để nắm quyền kiểm soát	53.436.915.323
Lưu chuyển tiền thuần từ nghiệp vụ mua	(36.639.056.862)

Biến động của lợi thế thương mại trong kỳ

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2024	2.287.614.834.867
Hợp nhất kinh doanh trong kỳ (i)	375.383.777.755
Tại ngày 30/06/2024	2.662.998.612.622
Hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	1.484.516.264.280
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	186.293.907.833
Tại ngày 30/06/2024	1.670.810.172.113
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	803.098.570.587
Tại ngày 30/06/2024	992.188.440.509

(i) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy theo giá trị ghi sổ được ghi nhận tạm tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, và sẽ được điều chỉnh, phân bổ lại khi hoàn tất việc định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	<i>Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ</i>	
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	98.897.394.687	71.877.933.336
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xây Dựng	38.836.691.002	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	37.328.789.023	111.334.416.812
Các đối tượng khác	339.144.964.412	403.853.454.008
Cộng	514.207.839.124	587.065.804.156

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thu tiền theo tiến độ khách hàng mua bất động sản	85.511.558.704	153.136.300.816
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Tỉnh Đồng Nai	48.720.354.000	19.106.352.995
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Tỉnh Quảng Nam	40.262.121.100	40.262.121.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	35.745.192.235	26.650.301.586
Người mua là bên liên quan (xem tại thuyết minh VII.3)	-	67.299.467.923
Các khách hàng khác	28.699.954.566	-
Cộng	238.939.180.605	349.690.565.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tặng do hợp nhất công ty con (i) VND	30/06/2024 VND
a. Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	489.865.770	-	-	-	489.865.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.316.741.198	5.500.753	219.178	-	1.311.459.623
Thuế thu nhập cá nhân	147.985.796	-	8.254.011	-	156.239.807
Các khoản khác	604.573.797	2.023.130.876	2.074.529.935	-	655.972.856
Cộng	2.559.166.561	2.028.631.629	2.083.003.124	-	2.613.538.056
b. Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	10.402.916.766	94.862.239.076	104.832.767.059	16.850.746.887	17.283.135.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.925.233.415	37.188.782.282	58.253.218.979	23.278.406.829	51.139.203.547
Thuế thu nhập cá nhân	8.056.463.557	23.823.240.179	16.324.055.570	1.217.701.160	16.773.349.326
Thuế nhà thầu	-	2.847.784.893	2.847.784.893	-	-
Các khoản khác	4.945.300.315	17.569.517.334	15.562.416.035	13.698.818.571	20.651.220.185
Cộng	72.329.914.053	176.291.563.764	197.820.242.536	55.045.673.447	105.846.908.728

(i) Đây là khoản thuế phải thu và phải nộp Nhà nước của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bấy tại ngày hợp nhất kinh doanh (xem thêm tại Thuyết minh V.15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	125.223.345.862	86.133.335.975
Chi phí thi công công trình	64.701.228.100	65.994.142.851
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	28.624.033.690	24.176.807.293
Cộng	218.548.607.652	176.304.286.119

20. Phải trả khác

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh	1.449.200.841.188	1.470.361.302.902
Phải trả chi phí lãi vay và các khoản chi phí hợp tác kinh doanh	208.314.414.342	196.109.848.339
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	177.749.963.739	202.182.415.254
Quỹ bảo trì phải trả	142.341.679.737	101.080.393.513
Tiền nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng	136.369.528.800	-
Các khoản thu hộ	21.824.841.892	22.838.532.484
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.007.906.633	43.736.991.860
Cộng	2.171.809.176.331	2.036.309.484.352
b. Dài hạn		
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược	29.671.369.372	20.445.300.928
Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh	-	2.007.490.000.000
Nhận tiền đăng ký mua trái phiếu chuyển đổi	-	242.557.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.323.085.036	8.536.091.258
Cộng	37.994.454.408	2.279.028.892.186
Tổng cộng	2.209.803.630.739	4.315.338.376.538
Trong đó, phải trả khác là bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.3</i>)	-	2.061.061.615.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán		Thanh toán trong kỳ		Giá trị ghi sổ đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
N ngân hàng HDBank	1.300.750.000.000	1.300.750.000.000	1.300.750.000.000	983.500.000.000	-	983.500.000.000
N ngân hàng TPBank	430.000.000.000	430.000.000.000	430.000.000.000	49.113.494.317	-	49.113.494.317
N ngân hàng Vietinbank	326.968.000.000	326.968.000.000	26.000.000.000	56.025.000.000	-	356.993.000.000
N ngân hàng BIDV	217.704.797.621	217.704.797.621	160.532.872.097	138.572.081.610	11.676.869.823	184.067.137.311
N ngân hàng Viet Capital Bank	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
Các công ty chứng khoán	156.865.406.476	156.865.406.476	94.057.622.962	60.275.366.593	-	123.083.150.107
V vay các cá nhân và tổ chức khác	779.190.591.057	779.190.591.057	3.393.959.263	61.035.613.151	521.461.291.493	315.370.953.452
V vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	875.305.098.032	875.305.098.032			13.935.000.000	1.142.284.869.643
Trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh b)	496.043.818.672	496.043.818.672				1.693.834.030.050
Cộng	4.682.827.711.858	4.682.827.711.858	2.114.734.454.322	1.348.521.555.671	547.073.161.316	4.848.246.634.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho số dư nợ vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng HDBank	1.300.000.000.000	12 tháng	27/03/2025	11,00%	Bổ sung vốn để đầu tư phát triển các dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi và Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh	Đảm bảo bằng cổ phiếu của một số công ty trong tập đoàn; quyền phát sinh từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh; 12 bất động sản tại phường 16, quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh; 45 bất động sản tại xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; toàn bộ các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án khu dân cư NBB Gardent III và Dự án Khu Dân Cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi; toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại các dự án sau: dự án Khu nhà ở chung cư tại Lô 3-16, dự án tại Lô 3-6, dự án Khu nhà ở chung cư sử dụng hỗn hợp tại Lô 3-2 và dự án Khu nhà ở chung cư sử dụng hỗn hợp tại Lô 4-8 tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2; tài sản là số dư và quyền tài sản phát sinh trên tài khoản chuyên thu quản lý nguồn thu từ người mua, góp vốn, huy động vốn khác tại Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi mở tại HDBank.
	500.000.000	12 tháng	16/05/2025	6,4%	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 500 triệu đồng	
	100.000.000	6 tháng	21/03/2024	6,4%	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 689 triệu đồng	
	100.000.000	6 tháng	06/12/2024	6,4%	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 100 triệu đồng	
	50.000.000	6 tháng	30/11/2024	6,4%	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 500 triệu đồng	
	1.300.750.000.000				Bổ sung vốn lưu động	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho số dư nợ vay ngắn hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày Lãi đáo hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TPBank	430.000.000.000	6 tháng	21/12/2024	Sử dụng cho các dự án đang đầu tư	Toàn bộ số tiền có trên tài khoản thanh toán số 00067547001 và hợp đồng tiền gửi tiết kiệm trị giá 25 tỷ đồng
Ngân hàng Vietinbank	149.968.000.000	12 tháng	31/10/2024	Bổ sung vốn lưu động	Đảm bảo bằng cổ phiếu của một số công ty trong tập đoàn; Quyền phát sinh từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh
	100.000.000.000	12 tháng	19/07/2024	Thực hiện dự án xây dựng và phát triển khu nhà ở chung cư tại Lô 3.15	Trái phiếu phát hành bởi ngân hàng Vietinbank với tổng mệnh giá là 100 tỷ đồng
	51.000.000.000	12 tháng	15/11/2024	Bổ sung vốn lưu động	Trái phiếu phát hành bởi ngân hàng Vietinbank với tổng mệnh giá là 51 tỷ đồng
	26.000.000.000	6 tháng	27/08/2024	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp	Đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho số dư nợ vay ngắn hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày Lãi đáo hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng BIDV	206.695.846.675	8 tháng	Theo từng 6,5% - 8,9% khế ước	Bổ sung vốn lưu động	Đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải; quyền đòi nợ các khoản phải thu đã đảm bảo với ngân hàng; các khoản tiền gửi có kỳ hạn; cổ phiếu của một số công ty trong tập đoàn
	10.958.950.946	8 tháng	Theo từng 7,20% khế ước	Bổ sung vốn lưu động	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, toàn bộ hàng tồn kho và tất cả các khoản phải thu của Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi
	50.000.000	6 tháng	30/11/2024	Bổ sung vốn lưu động	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 500 triệu đồng
	217.704.797.621				
Ngân hàng Viet Capital Bank	100.000.000.000	6 tháng	22/08/2024	Thực hiện tạm ứng hợp đồng thi công công trình	Đảm bảo bằng cổ phiếu của một công ty trong tập đoàn
Vay các công ty chứng khoán, các cá nhân và tổ chức khác	936.055.997.533	Dưới 12 tháng	5,00% - 13,50%	Bổ sung vốn lưu động	Đảm bảo bằng cổ phiếu của một số công ty trong tập đoàn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

	30/06/2024				01/01/2024			
	Phát sinh trong kỳ							
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng cộng ty con VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	
21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)								
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn								
Vay dài hạn	13.893.865.850.751	13.893.865.850.751	1.327.907.491.929	2.270.261.354.934	1.567.642.000.000	12.987.662.942.145	12.987.662.942.145	
Ngân hàng Vietcombank	8.887.431.113.788	8.887.431.113.788	293.707.491.929	563.707.491.929	-	9.157.431.113.788	9.157.431.113.788	
Ngân hàng VPBank	2.784.992.000.000	2.784.992.000.000	386.000.000.000	15.000.000.000	685.992.000.000	1.728.000.000.000	1.728.000.000.000	
Ngân hàng Vietinbank	1.267.360.000.000	1.267.360.000.000	398.200.000.000	1.216.226.620.354	895.585.000.000	1.189.801.620.354	1.189.801.620.354	
Ngân hàng BIDV	1.088.269.505.691	1.088.269.505.691	-	100.850.000.000	-	1.189.119.505.691	1.189.119.505.691	
Ngân hàng TPBank	325.000.000.004	325.000.000.004	250.000.000.000	359.802.685.351	-	434.802.685.355	434.802.685.355	
Vay các cá nhân và tổ chức khác	416.118.329.300	416.118.329.300	-	14.674.557.300	-	430.792.886.600	430.792.886.600	
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(875.305.098.032)	(875.305.098.032)	-	-	(13.935.000.000)	(1.142.284.869.643)	(1.142.284.869.643)	
Trái phiếu phát hành	1.022.903.365.358	1.035.000.000.000	9.012.158.253	1.233.870.000.000	-	1.049.970.995.727	1.063.870.000.000	
Trái phiếu CII012029_G	1.019.447.184.030	1.035.000.000.000	1.728.090.664	115.000.000.000	-	1.132.719.093.366	1.150.000.000.000	
Trái phiếu CIIB2124002	499.500.000.000	500.000.000.000	1.000.000.000	-	-	498.500.000.000	500.000.000.000	
Trái phiếu CIIB2124001	-	-	2.610.750.000	590.000.000.000	-	587.389.250.000	590.000.000.000	
Trái phiếu CIIB2024009	-	-	3.500.000.000	500.000.000.000	-	496.500.000.000	500.000.000.000	
Trái phiếu CII42013	-	-	173.317.589	28.870.000.000	-	28.696.682.411	28.870.000.000	
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(496.043.818.672)	(500.000.000.000)	-	-	-	(1.693.834.030.050)	(1.705.000.000.000)	
Cộng vay và nợ dài hạn	14.916.769.216.109	14.928.865.850.751	1.336.919.650.182	3.504.131.354.934	1.567.642.000.000	14.037.633.937.872	14.051.532.942.145	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Lịch thanh toán của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	875.305.098.032	1.142.284.869.643
Trong năm thứ hai	1.094.441.897.931	1.493.211.100.284
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.117.049.379.207	3.747.392.872.872
Sau năm năm	8.682.374.573.613	7.747.058.968.989
	14.769.170.948.783	14.129.947.811.788
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(875.305.098.032)	(1.142.284.869.643)
Cộng	13.893.865.850.751	12.987.662.942.145

Lịch thanh toán của các khoản trái phiếu

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	500.000.000.000	1.705.000.000.000
Trong năm thứ hai	-	28.870.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	575.000.000.000	575.000.000.000
Sau năm năm	460.000.000.000	460.000.000.000
	1.535.000.000.000	2.768.870.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(500.000.000.000)	(1.705.000.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(12.096.634.642)	(13.899.004.273)
Cộng	1.022.903.365.358	1.049.970.995.727

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được phân bổ dần vào chi phí lãi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho số dư nợ vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietcombank	4.974.476.000.000	Tối đa 144 tháng, không vượt quá ngày 09/01/2035		Thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 8,35% đến 8,55%	Đầu tư vào dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng B.O.T; toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các Cổ đông góp vốn trong Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; cam kết bảo lãnh của Công ty và Công ty CII B&R cam kết trả nợ thay cho Công ty trong trường hợp các Cổ đông góp vốn không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty
	1.899.000.000.000	Tối đa 168 tháng, không vượt quá 6 tháng trước khi kết thúc dự án		Thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 8,35% đến 8,55%		
	2.013.955.113.788	7 năm	29/11/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 7,8% đến 8%	Đầu tư vào Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án
					8.887.431.113.788	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho số dư nợ vay dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng VPBank	785.000.000.000	7 năm	30/06/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Thanh toán khoản nợ đã tài trợ cho dự án công ty đang đầu tư và khai thác	Dòng tiền thu phí từ Dự án mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận; và
	714.000.000.000	8 năm	25/12/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10,8%	Thanh toán khoản nợ đã tài trợ cho dự án công ty đang đầu tư và khai thác	100% phần vốn góp của công ty CII B&R tại Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận
	685.992.000.000	7 năm 3 tháng	25/09/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 10% đến 11,5%	Thanh toán khoản nợ đã tài trợ cho dự án công ty đang đầu tư và khai thác	Dòng tiền thu phí từ Dự án Xa Lộ Hà Nội; và
	600.000.000.000	7 năm	25/03/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10,3%	Thanh toán khoản nợ đã tài trợ cho dự án công ty đang đầu tư và khai thác	Đảm bảo bằng cổ phiếu và vốn góp của một số công ty trong tập đoàn
	2.784.992.000.000					Dòng tiền thu phí từ Dự án Trung Lương Mỹ Thuận



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho số dư nợ vay dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietinbank	894.088.000.000	12 năm	16/06/2038	Thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 9,5% đến 10,5%	Bù đắp nguồn vốn thực hiện dự án	Toàn bộ quyền khai thác, quản lý và lợi ích từ dự án De Lagi, Bình Thuận và dự án Cao ốc văn phòng Điện Biên Phủ; đảm bảo bằng cổ phiếu và vốn góp của một số công ty trong tập đoàn
	373.272.000.000	5 năm 4 tháng	18/05/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Bổ sung vốn để đầu tư phát triển dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi	Đảm bảo bằng cổ phiếu và vốn góp của một số công ty trong tập đoàn; trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội phát hành với tổng giá trị theo mệnh giá tối thiểu là 550 tỷ đồng; quyền tài sản phát sinh từ Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi.
	1.267.360.000.000					
Ngân hàng BIDV	575.999.379.211	15 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 7,70% đến 8,24%	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án
	512.270.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 8,2% đến 8,8%	Tài trợ dự án B.O.T đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án
	1.088.269.505.691					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

- 21. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)
- b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho số dư nợ vay dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TPBank	325.000.000.004	9 năm	27/01/2030	8,95% - 9,00%	Sử dụng cho các dự án đang đầu tư	Đảm bảo bằng cổ phiếu của một số công ty trong tập đoàn
Vay các cá nhân và tổ chức khác	416.118.329.300	Dưới 3 năm		5,00% - 12,00%	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)****Thông tin bổ sung cho trái phiếu chưa đáo hạn***Trái phiếu CII012029_G với tổng mệnh giá phát hành là 1.150 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 11.500.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 31 tháng 01 năm 2019;
- Kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 7,2%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tài trợ vốn cho các dự án B.O.T trọng điểm của Công ty;
- Trái phiếu này được bảo lãnh thanh toán bởi GuarantCo Ltd với thời hạn bảo lãnh là 10 năm.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, Công ty đã mua lại 1.150.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 115.000.000.000 đồng.

Trái phiếu CII02124002 với tổng mệnh giá phát hành là 500 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 21 tháng 10 năm 2021;
- Kỳ hạn: 36 tháng;
- Lãi trái phiếu: 9,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung về tài sản đảm bảo**

Phần vốn góp trong các công ty đã được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay, trái phiếu phát hành của Công ty và các công ty con bao gồm:

Tên Công ty	Giá trị vốn góp	
	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	1.265.000.000.000	1.500.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	751.300.000.000	751.300.000.000
Cộng	2.016.300.000.000	2.251.300.000.000

Số lượng cổ phiếu đã được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay, trái phiếu phát hành của Công ty và các công ty con bao gồm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phiếu	
	30/06/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	49.556.400	52.310.762
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	90.648.000	45.512.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	184.998.000	184.998.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	-	13.333.180
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	-	9.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	-	10.320.000
Cộng	325.202.400	315.473.942

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền sử dụng đất của Dự án Diamond Riverside (i)	201.000.000.000	-
Tiền sử dụng đất của Dự án City Gate Tower (i)	120.000.000.000	-
Dự phòng phải trả khác	6.854.591.467	4.975.350.600
Cộng	327.854.591.467	4.975.350.600

(i) Đây là giá trị tiền sử dụng đất của các dự án do Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) đầu tư và phát triển. Các dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty NBB vẫn chưa quyết toán được tiền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền để nộp Ngân sách Nhà nước.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

23. Trái phiếu chuyển đổi

	30/06/2024		Phát sinh trong kỳ			01/01/2024	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Tăng do phân loại lại VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu CII424002	2.811.125.603.257	2.813.068.900.000	2.811.125.603.257	-	-	-	-
Trái phiếu CII42013	24.630.924.559	24.737.000.000	42.482.492	28.721.442.067	4.133.000.000	-	-
Cộng	2.835.756.527.816	2.837.805.900.000	2.811.168.085.749	28.721.442.067	4.133.000.000	-	-

Các trái phiếu chuyển đổi được hoàn trả theo lịch biểu sau

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong năm thứ hai	24.737.000.000	-
Sau năm năm	2.813.068.900.000	-
	2.837.805.900.000	-
Trừ: Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(2.049.372.184)	-
Cộng	2.835.756.527.816	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**23. Trái phiếu chuyển đổi** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho trái phiếu chuyển đổi***Trái phiếu CII424002 (mã cũ CII42301) với tổng mệnh giá phát hành là 2.813.068.900.000 đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 28.130.689;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân bao gồm (1) Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách hưởng quyền mua trái phiếu theo quy định, và (2) cán bộ, nhân viên của Tổ Chức Phát Hành (đối với số lượng trái phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu mà không được mua hết);
- Loại trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 25 tháng 01 năm 2024;
- Kỳ hạn: 10 năm;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 2,5%/năm;
- Thời gian chuyển đổi: 12 tháng/lần kể từ ngày phát hành;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Trái phiếu được phép chuyển đổi vào mỗi đợt trong 10 đợt vào ngày tròn 12 tháng kể từ ngày phát hành với giá chuyển đổi là 10.000 VND/cổ phần (đợt 2 là ngày tròn 24 tháng và đợt 10 là ngày tròn 120 tháng kể từ ngày phát hành);
- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 10 cổ phần phổ thông) ;
- Thời hạn trả nợ gốc trái phiếu: hoàn trả 1 (một) lần bằng 100% mệnh giá trái phiếu vào ngày đáo hạn.
- Mục đích sử dụng vốn từ trái phiếu:
 - (i) Đầu tư trái phiếu do Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận, một công ty con trong tập đoàn, hiện là chủ đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận với số tiền là 1.200.000.000.000 đồng. Mục đích phát hành trái phiếu của công ty con là để trả nợ trước hạn cho khoản vay của ngân hàng tài trợ cho dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T;
 - (ii) Đầu tư trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội, một công ty con trong tập đoàn, hiện là chủ đầu tư dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn với số tiền là 523.068.900.000 đồng. Mục đích phát hành trái phiếu của công ty con là để đầu tư và cơ cấu khoản nợ vay ngân hàng tài trợ dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T đang đầu tư;
 - (iii) Thanh toán trái phiếu CII B2124001 và trái phiếu CII B2024009 với số tiền lần lượt là 590.000.000.000 đồng và 500.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**23. Trái phiếu chuyển đổi** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho trái phiếu chuyển đổi** (tiếp theo)

Trái phiếu CII42013 (mã cũ: CII_C_BOND2020) với tổng mệnh giá phát hành là 393.876.000.000 đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 393.876;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất cố định và không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 02 tháng 11 năm 2020;
- Kỳ hạn: 5 năm;
- Lãi trái phiếu: 11%/năm;
- Thời gian chuyển đổi: 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã tiến hành 7 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu đã chuyển đổi là 369.139, tương đương tổng mệnh giá là 369.139.000.000 đồng, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 35.609.961 cổ phiếu. Giá chuyển đổi từ đợt 6 cho đến khi chuyển đổi hết trái phiếu được cố định là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá chuyển đổi này đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	2.840.195.130.000	560.590.824.176	(737.021.149.571)	6.660.084.447	265.047.576.028	2.449.646.951.912	2.915.886.690.221	8.301.006.107.213
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	43.221.530.730	74.648.633.635	117.870.164.365
Tài phát hành cổ phiếu quỹ	-	(173.254.155.374)	737.021.149.571	-	-	-	-	563.766.994.197
NCI góp thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.614.999.826)	(5.614.999.826)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	35.024.362.853	(72.954.300.454)	(2.711.822.612)	(40.641.760.213)
Thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	-	(833.392.547.407)	(833.392.547.407)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	(728.157.862)	728.157.862	-
Tại ngày 30/06/2023	2.840.195.130.000	387.336.668.802	-	6.660.084.447	300.071.938.881	2.419.186.024.326	2.153.144.111.873	8.106.593.958.329
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	135.017.520.389	117.064.585.827	252.082.106.216
Chuyển đổi trái phiếu Hợp nhất công ty con trong kỳ	343.453.000.000	-	-	-	-	-	-	343.453.000.000
Lợi thế thương mại phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	253.486.751.025	253.486.751.025
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.152.783.628)	(15.152.783.628)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(113.607.805.200)	(317.943.280.974)	(431.551.086.174)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	(586.708.537)	(480.034.257)	(1.066.742.794)
	-	-	-	-	-	(1.606.337.396)	(910.644.630)	(2.516.982.026)
Tại ngày 01/01/2024	3.183.648.130.000	387.336.668.802	-	6.660.084.447	300.071.938.881	2.438.402.693.582	2.189.208.705.236	8.505.328.220.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	3.183.648.130.000	387.336.668.802	-	6.660.084.447	300.071.938.881	2.438.402.693.582	2.189.208.705.236	8.505.328.220.948
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	265.430.480.379	178.072.508.886	443.502.989.265
Chuyển đổi trái phiếu Hợp nhất công ty con trong kỳ	4.133.000.000	-	-	-	-	-	-	4.133.000.000
Ảnh hưởng khi thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-
NCI góp thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	(60.803.115.036)	(149.538.882.803)	(210.341.997.839)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(254.857.170.400)	(44.677.373.779)	(299.534.544.179)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	19.598.206.843	(45.153.565.517)	(5.376.407.350)	(30.931.766.024)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	796.065.040	(842.892.014)	(46.826.974)
Tại ngày 30/06/2024	3.187.781.130.000	387.336.668.802	-	6.660.084.447	319.670.145.724	2.343.815.388.048	3.086.743.288.855	9.332.006.705.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**24. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	318.778.113	318.364.813
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	318.778.113	318.364.813
+ Cổ phiếu phổ thông	318.778.113	318.364.813
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.778.113	318.364.813
+ Cổ phiếu phổ thông	318.778.113	318.364.813

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20 tháng 5 năm 2022 đã thông qua việc hủy chi trả 2% cổ tức còn lại của năm 2019 và 12% cổ tức của năm 2020. Công ty sẽ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ các nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển. Tỷ lệ phát hành là 14% (tương đương 2% cổ tức còn lại của năm 2019 và 12% cổ tức của năm 2020).

Cổ tức năm 2022 được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022 ngày 24 tháng 5 năm 2023 phê duyệt ở mức 15% và hình thức chia cổ tức là bằng tiền mặt. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1, đợt 2 và đợt 3 năm 2022 cho cổ đông với tổng tỷ lệ chia cả ba đợt là 12%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng), tương đương tổng số tiền là 368.464.975.600 đồng.

Cổ tức năm 2023 được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21 tháng 5 năm 2024 phê duyệt ở mức 16% và hình thức chia cổ tức là bằng tiền mặt. Cổ tức năm 2024 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ 16% bằng tiền mặt. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	1.309.524.343.693	713.483.270.892
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	214.144.433.576	708.607.306.871
Doanh thu từ hoạt động xây dựng, duy tu công trình	65.421.745.672	65.655.689.187
Doanh thu bán hàng	33.734.446.650	31.984.162.200
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.163.374.933	8.565.519.694
Doanh thu cung cấp nước sạch	-	112.576.146.416
Doanh thu lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	-	4.847.684.887
	1.651.988.344.524	1.645.719.780.147
Các khoản giảm trừ		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ của dự án B.O.T	(51.224.557.872)	(54.382.065.766)
Hàng bán bị trả lại	(23.414.783.130)	-
	(74.639.341.002)	(54.382.065.766)
Doanh thu thuần	1.577.349.003.522	1.591.337.714.381
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem chi tiết tại Thuyết minh VII.3)	25.493.535.841	45.766.765.812

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	381.478.142.296	261.163.410.260
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	188.302.959.592	598.294.808.270
Giá vốn từ hoạt động xây dựng, duy tu công trình	73.089.287.836	93.865.074.393
Giá vốn hàng đã bán	31.208.842.531	28.447.209.190
Giá vốn các dịch vụ cung cấp	35.910.691.781	13.252.949.653
Giá vốn cung cấp nước sạch	-	116.250.938.106
Giá vốn lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	-	2.742.449.838
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.277.615.278)	-
Cộng	702.712.308.758	1.114.016.839.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết khi nắm quyền kiểm soát (Thuyết minh V.15)	430.300.397.259	-
Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư, hỗ trợ vốn, tiền gửi và trái phiếu	183.839.369.357	424.209.399.368
Thu nhập tài chính khác từ dự án B.O.T (i)	149.834.792.499	-
Lãi thoái vốn công ty con và chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	528.191.777	171.900.059.564
Cổ tức, lợi nhuận được chia	190.000.000	83.695.192.000
Doanh thu tài chính khác	4.225.909.980	-
Cộng	768.918.660.872	679.804.650.932
Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem chi tiết tại Thuyết minh VII.3)	40.418.522.821	312.504.935.087

(i) Khoản thu nhập phát sinh trong kỳ là các khoản lợi ích tài chính từ dự án B.O.T đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận bao gồm lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu và chênh lệch lãi suất giữa lãi vay thực tế của Công ty và lãi vay khoán gọn của dự án theo hợp đồng B.O.T đã ký. Nhà Nước cam kết thanh toán cho nhà đầu tư các khoản thu nhập trên thông qua việc thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư của dự án.

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí lãi vay và hỗ trợ vốn	671.969.994.809	652.063.753.878
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	57.706.581.924	777.433.200
Chi phí hợp tác kinh doanh các dự án	31.625.000.000	50.992.000.000
Chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	29.889.105.034	45.503.556.930
Phí cam kết rút vốn và phí quản lý tài khoản	13.449.303.034	45.311.658.363
Chi phí tài chính khác	13.550.255.969	3.819.111.078
Cộng	818.190.240.770	798.467.513.449
Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem chi tiết tại Thuyết minh VII.3)	28.328.273.973	79.204.867.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí thu phí tự động không dừng	27.257.806.077	19.684.869.317
Chi phí nhân viên	4.184.736.594	10.142.162.892
Chi phí môi giới, hoa hồng	579.467.731	990.769.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	263.800.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	9.546.539.076	2.230.343.807
Cộng	41.568.549.478	33.311.946.275

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	186.293.907.833	114.936.237.087
Chi phí khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định vô hình từ hợp nhất kinh doanh	35.302.804.548	9.488.589.188
Chi phí nhân viên quản lý	36.882.733.934	37.445.706.443
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.510.205.117	1.546.088.609
Thuế, phí và lệ phí	301.961.373	506.762.924
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	19.544.146.345	5.917.933.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.320.296.323	14.411.018.133
Chi phí bằng tiền khác	6.372.052.677	4.797.764.923
Cộng	305.528.108.150	189.050.100.865

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.567.822.333	489.444.328
Thu nhập từ các khoản phạt vi phạm hợp đồng	636.451.043	7.561.190.000
Thu nhập khác	6.429.557.425	456.748.400
Cộng	9.633.830.801	8.507.382.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính, thuế	13.644.826.508	411.700.663
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	2.523.886.256	-
Các khoản chi phí khác	1.599.847.548	3.056.636.647
Cộng	17.768.560.312	3.468.337.310

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế kỳ này	36.030.253.897	48.602.039.177
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	1.291.127.800	446.250
Cộng	37.321.381.697	48.602.485.427

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024			Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Cộng VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Cộng VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	691.613.358.281	(221.359.102.727)	470.254.255.554	293.388.718.815	(133.932.044.317)	159.456.674.498
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	44.177.521.255	81.838.564.980	126.016.086.235	34.143.795.277	403.887.603.793	438.031.399.070
Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	44.177.521.255	107.265.564.172	151.443.085.427	8.952.451.705	105.140.606.228	114.093.057.933
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại và các khoản chi phí khác phát sinh khi hợp nhất	-	218.738.922.631	218.738.922.631	-	121.761.687.777	121.761.687.777
Các khoản làm tăng doanh thu chịu thuế	-	-	-	-	-	-
Lỗ/(lãi) từ công ty liên doanh, liên kết	-	(120.527.827)	(120.527.827)	-	(18.121.664.066)	(18.121.664.066)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(190.000.000)	(190.000.000)	-	(83.695.192.000)	(83.695.192.000)
Các khoản thu nhập không chịu thuế khác	-	-	-	-	-	-
Các khoản lãi/lỗ khác bị loại trừ khi hợp nhất	-	(243.855.393.996)	(243.855.393.996)	25.191.343.572	278.802.165.854	303.993.509.426
Thu nhập chịu thuế	735.790.879.536	(139.520.537.748)	596.270.341.788	327.532.514.092	269.955.559.476	597.488.073.568
Lỗi năm trước mang sang	-	-	-	-	(31.358.565.337)	(31.358.565.337)
Bù trừ lỗ tính thuế giữa các hoạt động	(54.980.012.564)	248.639.573.554	193.659.560.990	-	-	-
Thu nhập tính thuế	680.810.866.972	109.119.035.806	789.929.902.778	327.532.514.092	238.596.994.139	566.129.508.231
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10%	624.929.916.330	-	624.929.916.330	274.483.298.423	-	274.483.298.423
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20%	55.880.950.642	109.119.035.806	164.999.986.448	53.049.215.669	238.596.994.139	291.646.209.808
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	73.669.181.761	21.823.807.161	95.492.988.922	38.058.172.976	47.719.398.828	85.777.571.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (i)	(45.891.407.134)	-	(45.891.407.134)	(31.121.600.042)	-	(31.121.600.042)
Thuế TNDN được giảm 50% (i)	(12.603.129.395)	-	(12.603.129.395)	(1.823.095.119)	-	(1.823.095.119)
1% Thuế TNDN tạm nộp từ tiền thu khách hàng mua bất động sản	-	(968.198.496)	(968.198.496)	-	(4.230.837.466)	(4.230.837.466)
Thuế TNDN bổ sung năm trước	-	1.291.127.800	1.291.127.800	-	446.250	446.250
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.174.645.232	22.146.736.465	37.321.381.697	5.113.477.815	43.489.007.612	48.602.485.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** (tiếp theo)

(i) Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T, B.T và một số dự án nhà máy nước của Công ty được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	265.430.480.379	43.221.530.730
Trừ: Giá trị trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị	(22.586.219.411)	(7.907.888.391)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	242.844.260.968	35.313.642.339
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	318.457.919	254.592.499
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	763	139

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế (trước lợi thế thương mại) theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21 tháng 5 năm 2024 phê duyệt.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Yếu tố có tác động suy giảm đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty là các trái phiếu chuyển đổi. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	242.844.260.968	35.313.642.339
Điều chỉnh tăng lãi của các trái phiếu chuyển đổi trong kỳ	123.285.572.679	20.477.765.000
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	366.129.833.647	55.791.407.339
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	318.457.919	254.592.499
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được chuyển đổi từ trái phiếu	247.005.370	37.232.300
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sau khi điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	565.463.289	291.824.799
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	647	191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết cho thuê hoạt động – Công ty là bên cho thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã ký các cam kết cho thuê hoạt động, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các cam kết này như sau:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	53.519.226.012	56.472.937.683
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	176.933.412.905	190.810.999.698
Sau năm năm	159.616.295.333	177.843.590.552
Tổng cộng các khoản phải thu tối thiểu	390.068.934.250	425.127.527.933

2. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 5 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động duy tu, xây lắp; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động bán hàng do Công ty sản xuất và hoạt động cung cấp các dịch vụ hạ tầng cùng với một số dịch vụ khác.

Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- a) Hoạt động thu phí giao thông: Công ty thực hiện thu phí các phương tiện tham gia giao thông tại các trạm trên các tuyến đường được phép thu phí để hoàn vốn đầu tư vào các dự án như:
 - Trạm Cà Ná để hoàn vốn dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận;
 - Trạm ĐT 741 để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng đường ĐT741, Bình Dương;
 - Trạm Cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng Quốc lộ 60;
 - Trạm Cầu Cỏ Chiên để hoàn vốn đầu tư xây dựng Cầu Cỏ Chiên;
 - Trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn.
 - Các trạm thu phí trên tuyến cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận để hoàn vốn đầu tư dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1.
- b) Hoạt động xây dựng, duy tu công trình: Thi công xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật; xây dựng và lắp đặt hệ thống đèn, điện chiếu sáng giao thông; duy tu, bảo dưỡng cầu đường.
- c) Hoạt động kinh doanh bất động sản: Xây dựng và bán căn hộ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê văn phòng.
- d) Hoạt động bán hàng: sản xuất, mua bán các loại đất, đá, nguyên vật liệu xây dựng.
- e) Hoạt động cung cấp dịch vụ: Cung cấp dịch vụ chăm sóc cây xanh, thu hộ phí giao thông, cho thuê máy móc thiết bị, dịch vụ quản lý bất động sản...

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này. Kết quả kinh doanh của từng bộ phận được thể hiện như bảng dưới đây:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Thu phí giao thông VND	Xây dựng, duy tu công trình VND	Kinh doanh hạ tầng nước VND	Bất động sản VND	Bán hàng VND	Dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần								
Cung cấp ra bên ngoài	1.258.299.785.821	65.421.745.672	-	190.729.650.446	33.734.446.650	29.163.374.933	-	1.577.349.003.522
Cung cấp cho các bộ phận	-	120.636.650.170	-	7.022.234.546	11.736.853.384	33.501.520.311	(172.897.258.411)	-
Cộng	1.258.299.785.821	186.058.395.842	-	197.751.884.992	45.471.300.034	62.664.895.244	(172.897.258.411)	1.577.349.003.522
Giá vốn								
Cung cấp ra bên ngoài	381.478.142.296	73.089.287.836	-	181.025.344.314	31.208.842.531	35.910.691.781	-	702.712.308.758
Cung cấp cho các bộ phận	-	105.512.534.910	-	-	4.602.678.028	23.609.770.878	(133.724.983.816)	-
Cộng	381.478.142.296	178.601.822.746	-	181.025.344.314	35.811.520.559	59.520.462.659	(133.724.983.816)	702.712.308.758
Lợi nhuận gộp bộ phận	876.821.643.525	7.456.573.096	-	16.726.540.678	9.659.779.475	3.144.432.585	(39.172.274.595)	874.636.694.764
Doanh thu hoạt động tài chính								
Chi phí tài chính								768.918.660.872
Phần (lãi)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết								818.190.240.770
Chi phí bán hàng								120.527.827
Chi phí quản lý doanh nghiệp								41.568.549.478
Thu nhập khác								305.528.108.150
Chi phí khác								9.633.830.801
Chi phí thuế TNDN hiện hành								17.768.560.312
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại								37.321.381.697
Tổng lợi nhuận sau thuế								(10.570.115.408)
								443.502.989.265



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Chỉ tiêu	Thu phí giao thông VND	Xây dựng, duy tu công trình VND	Kinh doanh hạ tầng nước VND	Bất động sản VND	Bán hàng VND	Dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần								
Cung cấp ra bên ngoài	659.101.205.126	65.655.689.187	117.423.831.303	708.607.306.871	31.984.162.200	8.565.519.694	-	1.591.337.714.381
Cung cấp cho các bộ phận	-	80.785.330.839	-	5.250.120.610	-	28.233.425.010	(114.268.876.459)	-
Cộng	659.101.205.126	146.441.020.026	117.423.831.303	713.857.427.481	31.984.162.200	36.798.944.704	(114.268.876.459)	1.591.337.714.381
Giá vốn								
Cung cấp ra bên ngoài	261.163.410.260	93.865.074.393	118.993.387.944	598.294.808.270	28.447.209.190	13.252.949.653	-	1.114.016.839.710
Cung cấp cho các bộ phận	-	30.019.735.019	-	-	-	28.941.016.883	(58.960.751.902)	-
Cộng	261.163.410.260	123.884.809.412	118.993.387.944	598.294.808.270	28.447.209.190	42.193.966.536	(58.960.751.902)	1.114.016.839.710
Lợi nhuận gộp bộ phận	397.937.794.866	22.556.210.614	(1.569.556.641)	115.562.619.211	3.536.953.010	(5.395.021.832)	(55.308.124.557)	477.320.874.671
Doanh thu hoạt động tài chính								
Chi phí tài chính								679.804.650.932
Phân (lãi)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết								798.467.513.449
Chi phí bán hàng								18.121.664.066
Chi phí quản lý doanh nghiệp								33.311.946.275
Thu nhập khác								189.050.100.865
Chi phí khác								8.507.382.728
Chi phí thuế TNDN hiện hành								3.468.337.310
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại								48.602.485.427
Tổng lợi nhuận sau thuế								(7.015.975.294)
								117.870.164.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Công ty liên kết trước khi trở thành công ty con
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con của công ty NBB
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con của công ty NBB
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty con của công ty NBB
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty con của công ty NBB
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của công ty NBB
Các thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Như đã trình bày tại Thuyết minh về cấu trúc Công ty, Công ty NBB từ công ty liên kết trở thành công ty con kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024. Do vậy các giao dịch phát sinh với nhóm Công ty NBB được bày trong thuyết minh bên dưới là các giao dịch phát sinh trong giai đoạn khi NBB còn là công ty liên kết của Công ty. Toàn bộ số dư với Công ty NBB tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất bán niên này.

Chi tiết các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty NBB		
Chuyển tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	1.938.464.000.000	45.360.000.000
Thu hồi tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	570.314.068.524	352.000.000.000
Nhận tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	300.000.000.000	857.490.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	290.766.338.258	654.916.931.507
Tiền lãi hợp tác đầu tư và cho vay	39.805.955.698	98.814.294.919
Chi phí hợp tác đầu tư	27.868.000.000	50.992.000.000
Doanh thu thi công dự án	25.493.535.841	25.610.848.707
Chi phí lãi vay	460.273.973	26.759.003.842
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	838.601.000.000
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	995.931.692.130
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	-	774.305.790.178
Chuyển nhượng Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	85.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận		
Tiền lãi hợp tác đầu tư và cho vay	-	140.913.087.167
Hỗ trợ vốn	-	20.200.000.000
Doanh thu thi công dự án	-	13.555.917.105
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh		
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	6.600.000.000
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		
Lãi cho vay	612.567.123	-
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp		
Cổ tức được chia	-	72.240.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Bên liên quan** (tiếp theo)

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm		
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	-	47.130.536.143
Chi phí lãi vay	-	1.453.864.131

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	-	14.520.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	3.257.558.268
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	3.118.901.748
	-	20.896.460.016
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	23.331.720.629
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	290.766.338.258
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	940.000.000.000
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	27.300.000.000
	-	967.300.000.000
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	849.485.642.731
<i>Giá trị quyền hợp tác đầu tư, phát triển dự án</i>	-	554.000.000.000
<i>Vốn góp hợp tác đầu tư</i>	-	196.814.068.524
<i>Lãi phải thu</i>	-	86.171.574.207
<i>Phải thu khác</i>	-	12.500.000.000
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	1.071.461.454
	-	850.557.104.185
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	67.299.467.923
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	2.061.061.615.770
<i>Vốn góp hợp tác đầu tư</i>	-	2.007.490.000.000
<i>Lãi phải trả</i>	-	53.571.615.770
	-	2.061.061.615.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Bên liên quan** (tiếp theo)

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ:

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Họ và tên	Chức vụ	VND	VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	-	-
Bà Trương Thị Ngọc Hải	Phó Chủ tịch	-	-
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên	-	-
Ông Dương Trường Hải	Thành viên độc lập	-	-
Ông Lê Toàn	Thành viên độc lập	265.800.000	248.800.000
Ông Lưu Hải Ca	Thành viên	-	-
Bà Cao Thị Ngọc Vân	Thư ký	18.000.000	18.000.000
Cộng		283.800.000	266.800.000
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Ông Đoàn Minh Thư	Trưởng ban kiểm soát	-	-
Bà Trịnh Thị Ngọc Anh	Thành viên	-	-
Bà Trần Thị Tuất	Thành viên	-	-
Cộng		-	-

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được chi từ quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Tiền lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
		VND	VND
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách	1.012.500.000	1.063.000.000
Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc	2.780.000.000	2.413.000.000
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc	784.530.000	433.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	1.049.000.000	700.000.000
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.475.000.000	993.000.000
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc dự án hạ tầng	412.500.000	538.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính	1.215.000.000	413.000.000
Ông Nguyễn Trường Hoàng	Giám đốc phát triển dự án	639.000.000	475.000.000
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc quản lý vốn	1.058.000.000	429.000.000
Bà Trần Yến Vy	Giám đốc hành chính - quản trị	650.000.000	387.000.000
Cộng		11.075.530.000	7.844.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất		
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	4.133.000.000	-
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác (mã số 25)		
Chi đầu tư vào công ty con trong kỳ	163.522.267.388	-
Chi đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong kỳ	36.843.362.862	7.659.383.660
	200.365.630.250	7.659.383.660
Chi tiết tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (mã số 26)		
Thu từ chuyển nhượng và hợp nhất công ty con	-	596.643.083.477
Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	40.800.000.000
Nhận đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư	-	20.000.000.000
	-	657.443.083.477
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (mã số 31)		
Cổ đông không kiểm soát góp thêm vốn vào công ty con	13.136.200.000	-
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	563.766.994.197
	13.136.200.000	563.766.994.197
Số tiền đi vay thực thu trong năm (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	3.742.641.946.251	6.616.632.805.930
Tiền thu từ hợp tác kinh doanh	-	857.490.000.000
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	2.568.471.400.000	-
	6.311.113.346.251	7.474.122.805.930
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm (mã số 34)		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	3.618.782.910.605	4.239.587.387.232
Tiền trả nợ gốc trái phiếu	1.205.132.000.000	3.001.046.000.000
	4.823.914.910.605	7.240.633.387.232

5. Nợ tiềm tàng

Như đã thuyết minh ở V.22, Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) đã sử dụng các thông tin sẵn có và các giả định để có thể ước tính một cách hợp lý nhất chi phí tiền sử dụng đất của hai dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside và City Gate Towers với giá trị lần lượt là 201 tỷ đồng và 120 tỷ đồng. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty NBB vẫn chưa quyết toán được tiền sử dụng đất để nộp ngân sách Nhà Nước. Do đó, tiền sử dụng đất của các dự án này có thể chênh lệch với giá trị mà Công ty NBB đã ước tính và ghi nhận vào kết quả kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, Công ty đã phát hành thành công trái phiếu riêng lẻ có giá trị 300.000.000.000 đồng. Đây là các trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo với kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày phát hành. Các trái phiếu có lãi suất thả nổi trong suốt kỳ hạn và bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng MBBank, VPBank, ACB và Techcombank cộng biên độ 4,85%. Lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 3 tháng/lần. Gốc trái phiếu được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.

Ngoài sự kiện đã nêu, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lý Huỳnh Trúc Giang
Người lập biểu



Lý Huỳnh Trúc Giang
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2024

